

Bản án số: **208/2025/HS-ST**
Ngày: 12/11/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Anh;

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Lê Thị Huệ – Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học Liên Mạc;

+ Bà Hoàng Phương Lan – Chủ tịch UB Mặt trận Tổ quốc phường Liên Mạc;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 176/2025/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2025/QĐXXST-HS ngày 13/10/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/HPT-QĐ ngày 28/10/2025 đối với các bị cáo:

1. Họ tên: **Nguyễn Thành C** Giới tính: Nam

Sinh ngày: 29/7/2008 (**Phạm tội khi 16 tuổi 06 tháng 08 ngày**)

Tên gọi khác: Không

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 10/12

Nghề nghiệp: Học sinh

Nơi thường trú: CHCC B, nhà 17T1, KĐT T, T, Cầu G, Hà Nội (nay là phường Y, Hà Nội)

Con ông: Nguyễn Thành Đ - Sinh năm: 1976

Con bà: Lưu Thị Ánh N- Sinh năm: 1980

Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 06/02/2025, đến ngày 19/5/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ tên: **Vũ Hoàng Đức M** - Giới tính: Nam

Sinh ngày: 07/6/2009 (*Phạm tội khi 15 tuổi 07 tháng 30 ngày*)

Tên gọi khác: Không

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 10/12

Nghề nghiệp: Học sinh

Nơi thường trú: số C, ngõ A đường N, N, T, Hà Nội. (Nay là phường T, Hà Nội)

Con ông: Vũ Văn T - Sinh năm: 1977

Con bà: Trịnh Hoàng V- Sinh năm: 1984

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 06/02/2025, đến ngày 19/5/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

3. Họ tên: **Nguyễn Quốc V1** - Giới tính: Nam

Sinh ngày: 16/7/2008 (*Phạm tội khi 16 tuổi 06 tháng 21 ngày*)

Tên gọi khác: Không

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 9/12;

Nghề nghiệp: Học sinh

Nơi thường trú: TDP H, D, H, Hà Nội (nay là phường D, Hà Nội)

Con ông: Nguyễn Sinh T1 - SN: 1975

Con bà: Nguyễn Thị Thanh H- SN: 1982

Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 06/02/2025, đến ngày 19/5/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ tên: **Phạm Ngọc T2** - Giới tính: Nam

Sinh ngày: 05/8/2010 (*Phạm tội khi 14 tuổi 06 tháng*)

Tên gọi khác: Không

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 8/12

Nghề nghiệp: Học sinh

Nơi thường trú: số E tổ C, T, Cầu G, Hà Nội (nay là Y, Hà Nội)

Con ông: Phạm Tiến D - SN: 1970

Con bà: Hoàng Thị T3- SN: 1974

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ tư

Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 06/02/2025, đến ngày 19/5/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn Tạm giam bằng biện pháp ngăn chặn Bảo Lãnh. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. Họ tên: **Nguyễn Gia H1** - Giới tính: Nam

Sinh ngày: 30/4/2010 (*Phạm tội khi 14 tuổi 9 tháng 6 ngày*)

Tên gọi khác: Không

Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh - Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 8/12;

Nghề nghiệp: Học sinh.

Nơi thường trú: tổ G, phường H, Hà Nội

Con ông: Nguyễn Văn K - SN: 1991

Con bà: Chu Huyền T4- SN: 1994

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: Không

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 29/8/2025. Hiện đang áp

dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại Trại tạm giam Số 1 – Công an thành phố H.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên toà.

Người đại diện của các bị cáo:

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Nguyễn Thành C:* Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1976, bà Lưu Thị Ánh N, sinh năm: 1980 (là bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo). Cùng nơi thường trú: CHCC B, nhà A, khu đô thị T, phường T, C, Hà Nội. (Nay là phường Y, thành phố Hà Nội). *Có mặt*

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Vũ Hoàng Đức M:* Ông Vũ Văn T, sinh năm: 1977; Bà Trịnh Hoàng V, sinh năm: 1984 (là bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo). Cùng nơi thường trú: Số C, ngõ A, đường N, phường N, quận T, Hà Nội. (Nay là phường T, thành phố Hà Nội). *Có mặt*

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Quốc V1:* Ông Nguyễn Sinh T1, sinh năm: 1975; Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm: 1982 (là bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo); Ông Nguyễn Chí H2 (là bác ruột của bị cáo). Cùng nơi thường trú: Tổ dân phố H, phường D, quận H, Hà Nội. (Nay là phường D, thành phố Hà Nội). *Ông H2 có mặt.*

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phạm Ngọc T2:* Ông Phạm Tiến D, sinh năm: 1970; Bà Hoàng Thị T3, sinh năm: 1974 (là bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo). Cùng nơi thường trú: Số E, tổ C, phường T, quận C, Hà Nội. (Nay là phường Y, thành phố Hà Nội). *Có mặt*

- *Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Gia H1:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1991; Bà Chu Huyền T4, sinh năm: 1994 (là bố đẻ và mẹ đẻ của bị cáo). Cùng nơi thường trú: Tổ dân phố số G, phường H, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

**** Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành C; Vũ Hoàng Đức M; Phạm Ngọc T2; Nguyễn Quốc V1; Nguyễn Gia H1:*** Bà Nguyễn Thị Thanh X – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm T5, thành phố Hà Nội. *Có mặt*

**** Bị hại vắng mặt: Châu Tổng Văn Đ1*** – Sinh ngày: 02/10/2009.

- *Người đại diện cho cháu Tổng Văn Đ1:* Ông Tổng Văn H3, sinh năm: 1980; Cùng nơi thường trú: Phường P, quận T, Hà Nội. (Nay là phường T, thành phố Hà Nội). *Vắng mặt*

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại:* Bà Nguyễn Thị Bích N1 – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố T5. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành C và cháu Tống Văn Đ1 (Sinh ngày: 02/10/2009, HKTT: Phương Liệt, T, Hà Nội - nay là phường T, Hà Nội) là bạn học của nhau. Khoảng cuối tháng 12/2024, cháu Đ1 và C chơi 02 ván bi-a cá cược ăn tiền thắng thua với nhau tại quán EAGLE tầng 2 tòa nhà B Hoàng Đạo T, T, Cầu G, Hà Nội (nay là phường Y, Hà Nội) và cả 02 ván cháu Đ1 đều thua C với tổng số tiền là 2.500.000 đồng nhưng do không có tiền trả ngay nên cháu Đ1 xin khát nợ. Công sau đó đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện đòi tiền Đ1 nhưng Đ1 đưa ra nhiều lý do và tránh mặt nên C đã kể cho Vũ Hoàng Đức M biết và nói muốn tìm gặp Đ1 để đòi nợ. Ngày 05/02/2025, M nói với C có thể nhờ người rủ cháu Đ1 đi chơi để C gặp sau đó sử dụng tài khoản facebook "Minh V2" nhắn tin vào tài khoản "Bun Bun" của cháu Nguyễn Anh V3 (SN: 2008; HKTT: T, Hà Nội) nhờ Anh V3 hẹn Đ1 đi chơi với V3 mục đích để khi Đ1 xuống nhà thì M sẽ gặp được Đ1 rồi giải quyết mâu thuẫn cá nhân đồng thời dọa nếu Anh V3 không làm theo thì sẽ bị đánh. Do sợ bị M đánh nên Anh V3 đã đồng ý và nhắn tin rủ cháu Đ1 ra ngoài để đi chơi dù không biết M giải quyết mâu thuẫn gì và bản thân Anh V3 cũng không đến gặp Đ1. Sau khi Anh V3 báo tin Đ1 đồng ý đi chơi thì M bàn bạc, thống nhất với C sẽ rủ thêm người cùng đi gặp đánh Đ1 để đòi tiền cho C. C sau đó nhắn tin qua facebook cho Phạm Ngọc T2 với nội dung "đi đánh th vduc vs a", "nó bùng của a 2.5tr đây", T2 hiểu là C rủ T2 đi đánh Đ1 để đòi tiền cho C nên rủ thêm bạn là Nguyễn Quốc V1 cùng tham gia. Còn M nhắn tin rủ Nguyễn Gia H1 đón M rồi đến chỗ C tập hợp để cùng đi đánh Đ1, H1 đồng ý.

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/2/2025, Nguyễn Gia H1 điều khiển xe máy Honda Wave BKS: 29BF – 05025 chở M đến chân tòa chung cư C Hoàng Đạo Thúy Khu đô thị T, Y, Hà Nội để đón C. Tại đây, C, H1 và M nói chuyện về việc chờ thêm T2 và V1 đến để cùng đi tìm gặp đánh Đ1 đòi tiền Đ1 nợ C thì khoảng 15 phút sau, T2 và V1 đi xe Honda Vision màu trắng gắn BKS: 29P1-763.33 đến điểm hẹn sau đó H1 chở C và M còn T2 chở V1 di chuyển đến chung cư V, M, N, Hà Nội (nay là phường Đ, Hà Nội). Khi đến sảnh chung cư, do lâu không thấy cháu Đ1 ra nên cả nhóm bàn bạc và thống nhất để M đi một mình vào trong sảnh đợi Đ1, còn C, H1, V1 và T2 đứng đợi ở ngoài. Khi Đ1 vừa xuống sảnh thì bị M đẩy ra phía ngoài cửa nơi nhóm của C đang đứng và nói "đi ra đây". Thấy nhóm của C đông người, Đ1 lo sợ bị đánh để đòi tiền vì C đã nhiều lần nhắn tin đòi tiền và dọa sẽ tìm đánh nên Đ1 không đi tiếp thì bị C và Minh K1 đi về phía dốc gần sảnh chung cư. Lúc này Đ1 nói với C:

“Thôi em xin lỗi, không phải em không muốn trả tiền anh mà là em không có tiền”, C bảo Đ1 “Có bao nhiêu tiền thì đưa hết đây”, Đ1 sợ hãi lấy trong túi 100.000 đồng đưa cho C (gồm 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng và 03 tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng) nhưng có một tờ 10.000 đồng bị rách nên C trả lại Đ1 tờ tiền đó và giữ 90.000 đồng và yêu cầu Đ1 trả nốt số tiền còn lại. Đức định bỏ chạy thì bị M đâm 01 cái vào mặt. Lúc này do có bảo vệ đi đến nhắc nhở nên C bảo Đ1 lên xe của T2 và V1 đi ra chỗ khác để tiếp tục đe dọa đòi tiền. Đ1 sợ bị đánh nên đã lên máy Honda Vision màu trắng gắn BKS: 29P1-763.33 do T2 điều khiển, Đ1 ngồi giữa và V1 ngồi sau theo yêu cầu của C, còn H1 điều khiển xe máy Honda Wave BKS: 29BF – 05025 chở C và M cùng đi về phía khu vui chơi cách vị trí cũ khoảng 100 mét. Khi tới nơi, C bảo Đ1 xuống xe để nói chuyện rồi hỏi Đ1: “Thế tiền tao đâu, hẹn hết hôm này hôm khác trước Tết, ra Tết cũng không thấy?” thì Đ1 nói không có tiền nên bị C dùng tay phải đâm vào mặt rồi dùng chân phải đạp trúng người Đ1 một cái. Thấy Đ1 lùi lại thì M và V1 lao vào đánh vào người Đ1 và liên tục chửi bới Đ1. Lúc này, T2 ngồi trên xe máy nhãn hiệu Honda Vision còn H1 ngồi trên xe máy nhãn hiệu Honda Wave dùng điện thoại quay video Đ1 bị C, M và V1 đánh. Do sợ bị đánh tiếp nên Đ1 xin C được gọi điện cho bố là anh Tống Văn H3 (sinh năm: 1980, HKTT: T, Hà Nội) nhờ trả tiền cho C. C đồng ý và đưa điện thoại của C cho Đ1 gọi nói chuyện với anh H3 rồi bật loa ngoài cho mọi người cùng nghe. Vì C không muốn bố Đ1 biết C đòi tiền Đức nên đã bảo V1 nói với bố Đ1 là Đ1 nợ V1 số tiền 2.500.000 đồng. Anh H3 nói chỉ trả cho số tiền 500.000 đồng còn lại Đ1 sẽ tự trả sau. V1 sau đó cầm điện thoại của C nhấn số tài khoản 16072008999999 mở tại ngân hàng T6 của V1 cho anh H3. Lúc này, Phan Quang A (Sinh năm: 2008; Trú tại: số B ngõ E H, phường K, quận T, Hà Nội nay là phường P, thành phố Hà Nội) điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu xanh đen BKS: 29D2 – 767.14 đi đến hỏi C và M có chuyện gì thì được trả lời là vừa mới đánh Đ1 do Đ1 nợ tiền không trả. Quang A nói với Đ1 là nợ tiền thì phải trả và bảo nhóm của C không đánh Đ1 nữa rồi điều khiển xe máy bỏ đi. Lúc này, bảo vệ của khu đô thị đi ra nhắc nhở thì cả nhóm lại di chuyển ra đường Đ cách lối ra của KĐT Vinhomes GreenBay khoảng 100 mét thì dừng lại trên vỉa hè để đứng nói chuyện. Tại đây, C sử dụng điện thoại quay video yêu cầu Đ1 hứa sau 3 ngày sẽ trả hết số tiền còn nợ. Cùng lúc này, anh H3 gọi lại cho C hỏi đã nhận được tiền chưa thì V1 có đáp lại đã nhận được tiền rồi nên anh H3 bảo C chở Đ1 về nhà. H1 sau đó điều khiển xe máy chở C và Đ1 để đưa Đ1 về còn T2 chở V1 và M rồi tất cả ra về. Sau khi về nhà, V1 đã chuyển lại số tiền 500.000 đồng

của anh H3 đã chuyển trước đó vào tài khoản 10029079999 ngân hàng M1 của C. Khoảng 21 giờ cùng ngày, anh H3 đã đưa cháu Tống Văn Đ1 đã đến Công an phường M trình báo sự việc.

Ngày 06/02/2025, Nguyễn Thành C, Vũ Hoàng Đức M, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Quốc V1 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận N đầu thú. Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập Nguyễn Gia H1 nhưng H1 không có mặt tại địa phương, gia đình và địa phương không biết H1 đi đâu, làm gì. Ngày 28/8/2025, H1 đã đến Cơ quan điều tra đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thành C, Vũ Hoàng Đức M, Phạm Ngọc T2, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

*** Vật chứng thu giữ:** 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng, IMEI: 353904107490084 (của Phạm Ngọc T2); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng, IMEI: 356712111439469 (của Vũ Hoàng Đức M); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng IMEI: 359412084347883 (của Nguyễn Quốc V1); 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax màu xanh, IMEI: 353240580111933 (của Nguyễn Thành C); 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng, IMEI: 353898101114361 (của Nguyễn Gia H1).

Đối với Nguyễn Thành C, Vũ Hoàng Đức M và Nguyễn Quốc V1 đã có hành vi đánh cháu Tống Văn Đ1 bằng chân tay nhưng do thương tích nhẹ nên cháu Đ1 và gia đình từ chối giám định thương tích và không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với cháu Nguyễn Anh V3 và Phạm Quang A1, do V3 không biết việc Vũ Hoàng Đức M nhờ V3 gọi Tống Văn Đ1 để đánh đòi tiền, V3 và Quang A1 không tham gia bàn bạc, không đe dọa, không giúp sức cho nhóm của M và không cùng đánh Đ1 để đòi tiền nợ cho Nguyễn Thành C nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với chiếc xe máy Honda Vision BKS 29P1 – 763.33 và xe máy Honda Wave BKS 29BF – 050.25 do Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Gia H1 sử dụng trong vụ án. Quá trình xác minh xác định chủ đăng ký xe BKS 29P1 – 763.33 là chị Phạm Thu H4 (SN: 1998; HKTT: T, Hà Nội – chị gái của T2) và chủ đăng ký xe BKS 29BF – 050.25 là bà Vũ Thị Thu H5 (SN: 1964; HKTT: B, Hà Nội – bà ngoại của H1), cả hai xe đều không nằm trong cơ sở dữ liệu xe vật chứng. Tại Cơ quan điều tra chị H4 và bà H5 khai mua và đăng ký chiếc xe trên để sử dụng, cả hai đều không giao xe cho T2 và H1 sử dụng, không biết T2, H1 sử dụng xe để thực hiện hành vi cướp tài sản ngày 05/02/2025 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với hành vi của Nguyễn Thành C và Tống Văn Đ1 chơi bi-a cá cược ăn tiền thắng thua 02 ván trong đó có 1 ván cược 1.000.000 đồng và ván còn lại cược 1.500.000 đồng tại tòa B Hoàng Đạo T, phường T, quận C, Hà Nội (nay là phường Y, TP Hà Nội). Do số tiền cá cược thắng thua dưới 5.000.000 đồng nên Công an thành phố H đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo điểm c khoản 2 Điều 28 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021, hình thức phạt tiền: số tiền 750.000 đồng đối với C và cảnh cáo đối với Đ1.

Về dân sự: cháu Tống Văn Đ1 đã nhận bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 590.000 đồng của gia đình bị cáo Nguyễn Thành C nên không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Lời khai nhận tội của Nguyễn Thành C, Vũ Hoàng Đức M, Phạm Ngọc T2, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và tài liệu điều tra khác.

Tại bản cáo trạng số 167/CT-VKSKV4 ngày 30/9/2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội: Các bị cáo Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc T2, Vũ Hoàng Đức M, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 bị truy tố về tội “**Cướp tài sản**”, theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình, thành khẩn nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quan điểm như cáo trạng truy tố và kết luận các bị cáo Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc T2, Vũ Hoàng Đức M, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 đã phạm tội **Cướp tài sản** theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Sau khi đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét tình tiết giảm nhẹ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm e khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự; Điều 115, Điều 119, Điều 124, Điều 179 Luật Tư pháp người chưa thành niên đề nghị xử phạt bị cáo:

Nguyễn Thành C (phạm tội khi 16 tuổi 6 tháng 8 ngày – khung hình phạt bằng 3/5 người thành niên): từ 30 – 33 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng.

Nguyễn Quốc V1 (phạm tội khi 16 tuổi 6 tháng 21 ngày – khung hình phạt bằng 3/5 người thành niên): từ 27-30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng.

Vũ Hoàng Đức M (phạm tội khi 15 tuổi 7 tháng 30 ngày – khung hình phạt bằng 2/5 người thành niên): từ 24-27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng.

Phạm Ngọc T2 (phạm tội khi 14 tuổi 6 tháng - khung hình phạt bằng 2/5 người thành niên): từ 21-24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng.

Nguyễn Gia H1 (phạm tội khi 14 tuổi 9 tháng 6 ngày - khung hình phạt bằng 2/5 người thành niên): từ 21-24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng.

+ Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 6 Điều 168 Bộ luật Hình sự “*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”. Do các bị cáo là người dưới 18 tuổi nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

b) Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng, IMEI: 353904107490084 (của Phạm Ngọc T2);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng, IMEI: 356712111439469 (của Vũ Hoàng Đức M);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng IMEI: 359412084347883 (của Nguyễn Quốc V1);

- 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax màu xanh, IMEI: 353240580111933 (của Nguyễn Thành C);

- 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng, IMEI: 353898101114361 (của Nguyễn Gia H1);

Các điện thoại đều dùng vào việc phạm tội.

+ Chuyển lưu hồ sơ vụ án kèm 01 USB nội dung liên quan đến sự việc (của cháu Tống Văn Đ1).

c) Về trách nhiệm dân sự: Không.

d) Về án phí: Căn cứ vào khoản 1, 2 điều 135, khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điều 6, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Buộc Nguyễn Thành C, Nguyễn Quốc V1 nộp 200.000 đồng án phí HSST; Xem xét miễn án phí đối với Vũ Hoàng Đức M, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Gia H1 trong trường hợp có đơn yêu cầu theo quy định.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc T2, Vũ Hoàng Đức M, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 – Bà Nguyễn Thị Thanh X: đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo do các bị cáo phạm tội khi đang trong độ tuổi vị thành niên, hành vi hoàn toàn bộc phát. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và không yêu cầu bồi thường về dân sự. Đề nghị HĐXX miễn án phí cho các bị cáo M, T2. H1 do các bị cáo đều là trẻ vị thành niên từ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại – Bà Nguyễn Thị Bích N1: Bị hại và gia đình bị hại đã nhận bồi thường từ các bị cáo, không yêu cầu bồi thường về dân sự. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo thấy ăn năn về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố H, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Hà Nội và của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại quá trình điều tra, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở

kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 05/02/2025, Khu đô thị G, M, N, Hà Nội (nay là phường Đ, Hà Nội), Nguyễn Thành C, Vũ Hoàng Đức M, Phạm Ngọc T2, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 đã có hành vi dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đánh và uy hiếp tinh thần cháu Tống Văn Đ1 (Sinh ngày: 02/10/2009 - tại thời điểm này, cháu Đ1 mới 15 tuổi 4 tháng 4 ngày) nhằm chiếm đoạt số tiền 2.500.000 đồng. Số tiền đã chiếm đoạt được là 590.000 đồng. Bị cáo Công giữ vai trò chính, là người khởi xướng, rủ rê bị cáo M và bị cáo T2 đi đánh Đ1 để đòi tiền và đồng ý để M rủ thêm H1 còn T2 rủ V1 tham gia. C, M và V1 là người trực tiếp đe dọa, đánh cháu Đ1 còn T2 và H1 tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức.

Các bị cáo khai nhận tội. Hậu quả đã được gia đình bị cáo Nguyễn Thành C khắc phục. Bị hại và người đại diện theo pháp luật không yêu cầu bồi thường dân sự và xin giảm nhẹ hành phạt cho các bị cáo.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc T2, Vũ Hoàng Đức M, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 đã phạm vào tội “*Cướp tài sản*”. Các bị cáo dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đánh và uy hiếp tinh thần bị hại Tống Văn Đ1 là người dưới 16 tuổi, do vậy tội danh và khung hình phạt được áp dụng tại điểm e, khoản 2, Điều 168 Bộ luật Hình sự;

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi cướp tài sản của các bị cáo Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc T2, Vũ Hoàng Đức M, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 gây nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử có xem xét vai trò, nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[4] Xét vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Vai trò của các bị cáo trong vụ án: Bị cáo Công giữ vai trò chính, là người khởi xướng và rủ rê bị cáo M và bị cáo T2 và đồng ý để bị cáo M rủ thêm bị cáo H1, bị cáo T2 rủ thêm bị cáo Vũ C1 thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo T2, M, V1 và H1 có vai trò là người giúp sức. Các bị cáo C, M, T2 trực tiếp dùng vũ lực (đánh bị hại Đ1), đe dọa dùng vũ lực và uy hiếp tinh thần

của bị hại Đ1 để đòi tiền Đ1. Các bị cáo H1 và V1 là người lái xe, chở bị cáo Đ1, C, V1 đến nơi thực hiện hành vi phạm tội.

Nhân thân: Các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Gia đình các bị cáo đã hoàn trả số tiền đã lấy của cháu Đ1 là 590.000 đồng, gia đình bị cáo C đã tự nguyện bồi thường cho cháu Đ1 tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Cháu Đ1 và người đại diện theo pháp luật của cháu Đ1 không có yêu cầu bồi thường về dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo đều là trẻ vị thành niên và đang trong thời gian đi học. Cháu C, M, V1 là học sinh trường THPT H8, cháu T2, H1 là học sinh trường THCS T7. Các bị cáo đều phạm tội khi là trẻ vị thành niên, bị cáo M, T2 và H1 là trẻ em, nhận thức còn hạn chế, chưa ý thức được hậu quả pháp luật mình gây ra. Nguyên nhân các bị cáo phạm tội do một phần lỗi của bị hại và do hiểu lầm nhau. Gia đình các bị cáo có cam đoan giám sát, giáo dục và quản lý các cháu. Bị cáo V1 ở một với bà già yếu, một mình chăm sóc bà. Bị cáo H1 bố mẹ đã ly hôn, ở với bà, chăm sóc bà. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với từng bị cáo:

Bị cáo C: Ông ngoại bị cáo là ông Lưu Viết H6, bà ngoại bị cáo là bà Nguyễn Thị Hoàng L và bà nội của bị cáo là bà Trần Thị L1 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất - được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo T2: bà nội của bị cáo là bà Nguyễn Thị H7 được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất - được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên:

Đối với các bị cáo: Nguyễn Thành C, Nguyễn Quốc V1: tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi nên được áp dụng các quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi theo Điều 90, 91, Điều 101 Bộ luật hình sự nên khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần năm mức phạt tù mà điều luật quy định. Đối với các bị cáo Phạm Ngọc T2, Vũ Hoàng Đức M và Nguyễn Gia H1

khi phạm tội các bị cáo dưới 16 tuổi nên khi áp dụng hình phạt tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá hai phần năm mức phạt tù mà điều luật quy định.

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Thành C, Vũ Hoàng Đức M, Nguyễn Quốc V1, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Gia H1 đều có nơi cư trú rõ ràng và đều đang là học sinh tại các trường trung học phổ thông và trung học cơ sở nên cần tạo điều kiện cho các bị cáo tiếp tục trở lại trường học. Các bị cáo là trẻ vị thành niên, hình phạt mang tính chất cải tạo giáo dục là chính, do vậy, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy các bị cáo không có thu nhập ổn định, là người chưa thành niên vì vậy Hội đồng xét xử quyết định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng vụ án đã bàn giao cho Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội là:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng, IMEI: 353904107490084 (của Phạm Ngọc T2).

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng, IMEI1: 359712111439469, số IMEI2: 356712110742442 (của Vũ Hoàng Đức M);

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng IMEI: 359412084347883 (của Nguyễn Quốc V1);

+ 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax màu xanh, IMEI: 353240580111933 (của Nguyễn Thành C);

+ 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng, IMEI: 353898101114361 (của Nguyễn Gia H1);

Đối với các chiếc điện thoại nêu trên: đều là của bố mẹ đẻ các bị cáo, đưa cho các bị cáo sử dụng để liên lạc, học tập mà không biết việc các bị cáo sử dụng điện thoại vào hành vi phạm tội. Do vậy:

+ Cần trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng, IMEI: 353904107490084 (của Phạm Ngọc T2) cho ông Phạm Tiến D (là bố đẻ của bị cáo T2);

+ Cần trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng, IMEI1: 359712111439469, số IMEI2: 356712110742442 (của Vũ Hoàng Đức M) cho bà Trịnh Hoàng V (là mẹ đẻ của bị cáo M);

+ Cần trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng IMEI: 359412084347883 (của Nguyễn Quốc V1) cho bà Nguyễn Thị Thanh H (là mẹ đẻ của bị cáo V1);

+ Cần trả lại 01 điện thoại di động Iphone 13 Promax màu xanh, IMEI: 353240580111933 (của Nguyễn Thành C) cho bà Lưu Thị Ngọc Á (là mẹ đẻ của bị cáo C);

+ Cần trả lại 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng, IMEI: 353898101114361 (của Nguyễn Gia H1) cho ông Nguyễn Văn K (là bố đẻ của bị cáo H1).

[8] Về dân sự: Bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại không có yêu cầu bồi thường về dân sự nên HĐXX không xem xét.

[9] Các bị cáo, người đại diện cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại, người đại diện của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Thành C và bị cáo Nguyễn Quốc V1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Các bị cáo Vũ Hoàng Đức M, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Gia H1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành C, Phạm Ngọc T2, Vũ Hoàng Đức M, Nguyễn Quốc V1 và Nguyễn Gia H1 phạm tội “Cướp tài sản”.

1. Áp dụng: điểm e, khoản 2 Điều 168; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 115, Điều 119, Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp và người chưa thành niên 2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành C 30 (Ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Thành C cho Ủy ban nhân dân phường Y để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Áp dụng: điểm e, khoản 2 Điều 168; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 115, Điều 119, Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp và người chưa thành niên 2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc V1 28 (Hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Quốc V1 cho Ủy ban nhân dân phường D để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Áp dụng: điểm e, khoản 2 Điều 168; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 115; Điều 119; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp và người chưa thành niên 2024.

Xử phạt bị cáo Vũ Hoàng Đức M 26 (Hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Vũ Hoàng Đức M cho Ủy ban nhân dân phường T để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Áp dụng: điểm e, khoản 2 Điều 168; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 115; Điều 119; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp và người chưa thành niên 2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T2 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Ngọc T2 cho Ủy ban nhân dân phường Y để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Áp dụng: điểm e, khoản 2 Điều 168; điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 90; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 115; Điều 119; Điều 124; khoản 2 Điều 179 Luật Tư pháp và người chưa thành niên 2024; khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Gia H1 24 (Hai mươi tư) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Gia H1 đang bị tạm giam, nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Gia H1 cho Ủy ban nhân dân phường H để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Đối với các bị cáo được hưởng án treo:

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành án phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

6. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về dân sự: Không.

Xử lý vật chứng:

- Trả lại 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 ProMax màu trắng, IMEI: 353904107490084 gắn 01 sim (Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy – Tại Thời điểm bàn giao không xác định được số sim) cho ông Phạm Tiến D (là bố đẻ của bị cáo Phạm Ngọc T2);

- Trả lại 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 ProMax màu vàng, IMEI1: 359712111439469, số IMEI2: 356712110742442, gắn 01 sim (Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy – Tại Thời điểm bàn giao không xác định được số sim) cho bà Trịnh Hoàng V (là mẹ đẻ của bị cáo Vũ Hoàng Đức M);

- Trả lại 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone X màu trắng IMEI: 359412084347883, gắn 01 sim (Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy – Tại Thời điểm bàn giao không xác định được số sim) cho bà Nguyễn Thị Thanh H (là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Quốc V1);

- Trả lại 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh, IMEI: 353240580111933, gắn 01 sim (Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy – Tại Thời điểm bàn giao không xác định được số sim) cho bà Lưu Thị Ngọc Á (là mẹ đẻ của bị cáo Nguyễn Thành C);

- Trả lại 01 (Một) điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng, IMEI: 353898101114361, gắn 01 sim, đã qua sử dụng (Máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy – Tại Thời điểm bàn giao không xác định được số sim) cho ông Nguyễn Văn K (là bố đẻ của bị cáo Nguyễn Gia H1).

(Các vật chứng trên hiện Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 57 ngày 10/11/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội).

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Thành C và Nguyễn Quốc V1, mỗi cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Vũ Hoàng Đức M, Phạm Ngọc T2, Nguyễn Gia H1 được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người đại diện cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; bị hại;
- người bào chữa; người đại diện; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- TT lý lịch-Sở Tư pháp TP.Hà Nội;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thúy Anh